TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 08-Phòng Cơ điện, vận tải

Tháng 3 năm 2020

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương phép		Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC HĐCĐ	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ						Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương				BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**104**		**53.960.000**	**4**	**2.184.000**			**2**	**554.885**	**1**	**500.000**		**900.000**	**58.098.885**	**2.302.900**	**432.000**	**288.100**	**3.777.165**	**581.000**	**220.000**	**7.601.165**	**50.497.720**	
1	HL-00194	Nguyễn Quang Hùng	Trưởng phòng	7.882.000	26	A	15.200.000	1	615.000			1	303.154					16.118.154	630.600	118.300	78.900	886.725	161.200	55.000	1.930.725	14.187.429	
2	HL-01806	Đoàn Mạnh Hùng	Phó phòng	8.095.000	26	A	12.920.000	2	1.046.000									13.966.000	647.700	121.500	81.000	752.220	139.700	55.000	1.797.120	12.168.880	
3	HL-04071	Nguyễn Mậu Cường	Phó phòng	6.261.000	26	A	12.920.000											12.920.000	500.900	94.000	62.700	1.113.840	129.200	55.000	1.955.640	10.964.360	
4	HL-00097	Lê Xuân Phúc	Phó phòng	6.545.000	26	A	12.920.000	1	523.000			1	251.731	1	500.000		900.000	15.094.731	523.700	98.200	65.500	1.024.380	150.900	55.000	1.917.680	13.177.051	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**567**		**191.444.000**	**20**	**7.236.000**	**4**	**792.923**	**1**	**229.462**			**60.288**	**1.800.000**	**201.562.673**	**9.877.100**	**1.852.900**	**1.236.000**	**2.199.435**	**2.015.700**	**1.210.000**	**18.391.135**	**183.171.538**	
5	HL-00224	Hoàng Quốc Vị	Chuyên viên	5.966.000	26	A	10.032.000	1	406.000								900.000	11.338.000	477.300	89.500	59.700	68.670	113.400	55.000	863.570	10.474.430	
6	HL-02051	Nguyễn Tài Chính	Chuyên viên	4.982.000	26	A	10.032.000											10.032.000	398.600	74.800	49.900	36.540	100.300	55.000	715.140	9.316.860	
7	HL-00406	Bùi Châu Thuấn	Chuyên viên	5.966.000	26	A	10.032.000	1	406.000			1	229.462					10.667.462	477.300	89.500	59.700	68.670	106.700	55.000	856.870	9.810.592	
8	HL-01954	Lại Văn Nhật	Chuyên viên	5.682.000	26	A	10.032.000	2	812.000									10.844.000	454.600	85.300	56.900	158.130	108.400	55.000	918.330	9.925.670	
9	HL-01334	Nguyễn Tiến Văn	Chuyên viên	5.154.000	26	A	10.032.000	3	1.218.000									11.250.000	412.400	77.400	51.600	143.325	112.500	55.000	852.225	10.397.775	
10	HL-03428	Nguyễn Huy Quyền	Chuyên viên	5.411.000	26	A	8.360.000	1	338.000									8.698.000	432.900	81.200	54.200	62.370	87.000	55.000	772.670	7.925.330	
11	HL-04619	Trần Văn Hanh	Chuyên viên	5.411.000	26	A	8.360.000	2	676.000									9.036.000	432.900	81.200	54.200	62.370	90.400	55.000	776.070	8.259.930	
12	HL-00223	Lê Hồng Công	Chuyên viên	7.516.000	26	A	8.360.000											8.360.000	601.300	112.800	75.200	37.800	83.600	55.000	965.700	7.394.300	
13	HL-03390	Đồng Văn Huấn	Chuyên viên	5.411.000	26	A	8.360.000										900.000	9.260.000	432.900	81.200	54.200	62.370	92.600	55.000	778.270	8.481.730	
14	HL-00902	Nguyễn Văn Lâm	Chuyên viên	5.411.000	26	A	8.360.000											8.360.000	432.900	81.200	54.200	62.370	83.600	55.000	769.270	7.590.730	
15	HL-04052	Dương Đình Anh	Chuyên viên	5.682.000	26	A	8.360.000											8.360.000	454.600	85.300	56.900	158.130	83.600	55.000	893.530	7.466.470	
16	HL-00048	Trần Công Trung	Chuyên viên	6.578.000	26	A	8.360.000											8.360.000	526.300	98.700	65.800	75.600	83.600	55.000	905.000	7.455.000	
17	HL-00740	Đoàn Thị Thắm	Chuyên viên	5.411.000	26	A	8.360.000									60.288		8.420.288	432.900	81.200	54.200	62.370	84.200	55.000	769.870	7.650.418	
18	HL-04468	Hà Đình Cường	Chuyên viên	5.154.000	21	A	8.360.000			4	792.923							9.152.923	412.400	77.400	51.600	143.325	91.500	55.000	831.225	8.321.698	
19	HL-01517	Phạm Văn Trọng	Chuyên viên	5.966.000	26	A	8.360.000	1	338.000									8.698.000	477.300	89.500	59.700	68.670	87.000	55.000	837.170	7.860.830	
20	HL-00500	Nguyễn Đức Duy	Chuyên viên	5.682.000	26	A	8.360.000	2	676.000									9.036.000	454.600	85.300	56.900	158.130	90.400	55.000	900.330	8.135.670	
21	HL-04601	Vũ Đức Hạnh	Chuyên viên	5.154.000	26	A	8.360.000	4	1.352.000									9.712.000	412.400	77.400	51.600	143.325	97.100	55.000	836.825	8.875.175	
22	HL-01808	Nguyễn Trung Vinh	Chuyên viên	6.264.000	26	A	8.360.000											8.360.000	501.200	94.000	62.700	174.510	83.600	55.000	971.010	7.388.990	
23	HL-04172	Đào Mạnh Cường	Chuyên viên	5.411.000	26	A	8.360.000											8.360.000	432.900	81.200	54.200	62.370	83.600	55.000	769.270	7.590.730	
24	HL-04521	La Công Quân	Nhân viên	5.411.000	26	A	8.360.000	2	676.000									9.036.000	432.900	81.200	54.200	116.970	90.400	55.000	830.670	8.205.330	
25	HL-00975	Nguyễn Bình Khiêm	Chuyên viên	5.154.000	26	A	8.360.000	1	338.000									8.698.000	412.400	77.400	51.600	143.325	87.000	55.000	826.725	7.871.275	
26	HL-06503	Chu Quang Minh	Nhân viên	4.675.000	26	A	7.524.000											7.524.000	374.100	70.200	46.800	130.095	75.200	55.000	751.395	6.772.605	
Tổng cộng					**671**		**245.404.000**	**24**	**9.420.000**	**4**	**792.923**	**3**	**784.347**	**1**	**500.000**	**60.288**	**2.700.000**	**259.661.558**	**12.180.000**	**2.284.900**	**1.524.100**	**5.976.600**	**2.596.700**	**1.430.000**	**25.992.300**	**233.669.258**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2020

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng